

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Bà Thái Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 05/TB-TA ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Diễm M, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tổ chức lễ cưới và đến ngày 30/8/2017, chị M và anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị M và anh N chung sống rất hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2019 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị M và anh N không còn sống chung từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị M và anh N có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2019, hiện cháu K đang sống chung với chị M.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.
- Về con chung: Chị M yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2019 cho đến tuổi thành niên và chị M yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai lập ngày 15 tháng 10 năm 2021, chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 60/TB-TLVA ngày 29 tháng 3 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn N, nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị M. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh N trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.
- Về con chung: Chị M và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2019, từ khi sinh ra đến nay đều do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và hiện nay cháu K dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh N.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị M có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Diễm M, cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; anh Nguyễn Văn N, cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị M có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Chị M đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho chị M nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị M đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Diễm M là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm M và bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, chị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm M và bị đơn anh Nguyễn Văn N.

[1.3] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm M yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2019 cho đến tuổi thành niên và chị M yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Đến ngày 15 tháng 10 năm 2021, chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu K. Xét thấy, việc thay đổi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Diễm M, sinh năm 1996 và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2017 ngày 30

tháng 8 năm 2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn N là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Phạm Thị Diễm M, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị M, anh N hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 02 năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị M và anh N không còn sống chung từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Chị M và anh N đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị M và anh N trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[5] Về con chung: Chị M và anh N có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra đến nay cháu K đều do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và hiện nay cháu K dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu K đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị M.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Phạm Thị Diễm M là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị M phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn N ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2019 cho chị Phạm Thị Diễm M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị M.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Diễm M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007091 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Phạm Thị Diễm M đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn